TÒA ÁN NHÂN DÂN **VIỆT NAM** **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2024
V/v:*"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Thị Na Na**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Vạn Huynh
2. Bà Nguyễn Thị Song Trà

-Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Trạng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị D, sinh năm 1980;

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Tổ E, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa: Chị D vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-01-2024 và ngày 28-02-2024 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phan Thị D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh T có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B theo giấy chứng nhận kết hôn số 75 quyển sổ 01 ngày 30/12/2003. Trong quá trình sống chung giữa chị với anh T có nhiều mâu thuẫn, anh T đã có hành vi vũ phu đánh chị, đập phá đồ dùng trong nhà, bài bạc, chị và gia đình can ngăn nhiều lần không bỏ, hiện nay chị và anh T đã sống ly thân, phần ai người đó sống, không quan tâm đến nhau. Cuộc sống vợ chồng giữa chị với anh T không hạnh phúc, tình cảm gia đình không còn. Nay chị khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Giữa chị với anh T có 02 con chung, cháu Nguyễn Quốc H, sinh năm 2002 và cháu Nguyễn Quốc H1, sinh năm 2005 đều đã thành niên, chị không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

- Về nợ chung, tài sản chung giữa chị D và anh T không có, Chị D không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Bị đơn là anh Nguyễn Quốc T có bản tự khai ngày 29-2-2024 và biên bản ghi lời khai ngày 06-3-2024 đã khai như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị D có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B. Trong quá trình sống chung giữa anh với chị D phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên mâu thuẫn không đáng kể. Anh và chị D đã ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay, phần ai người đó tự lo. Hiện anh vẫn còn thương chị D, việc chị D yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý. Trường hợp, chị D mong muốn được ly hôn với anh thì yêu cầu Toà án cứ giải quyết anh đều chấp nhận kết quả giải quyết của Toà án.

- Về con chung, về tài sản chung và nợ chung đúng như nội dung chị D đã trình bày, anh thống nhất và đồng ý, anh không có ý kiến bổ sung gì thêm.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi trình bày như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ là đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: chị D được ly hôn với anh T. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: các đương sự đều trình bày không có và không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố, thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách qaun, toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] **Về tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phan Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh Nguyễn Quốc T. Bị đơn anh Nguyễn Quốc T có nơi cư trú tại phường T, thành phố Q. Do đó, xác định quan hệ pháp luật khi giải quyết là "*Ly hôn*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa, chị Phan Thị D vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt. Bị đơn, anh Nguyễn Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] **Về nội dung:** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị D, anh Nguyễn Quốc T thực hiện đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; chị D và anh T được Ủy ban nhân dân xã B, cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 75 quyển sổ 01 ngày 30/12/2003 nên xác định hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị D trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T tham gia chơi cờ bạc, có hành vi vũ phu với chị, thiếu trách nhiệm với gia đình, đôi lúc còn đập phá đồ dùng trong gia đình. Chị đã nhiều lần cho anh T cơ hội để sửa sai, nhưng anh T không thay đổi, nên Chị D và anh T đã sống ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay, phần ai người đó sống, không ai quan tâm đến nhau. Còn anh T thì cho rằng anh không đồng ý ly hôn, vì anh còn thương chị D.

Xét thấy, mặc dù anh T cho rằng anh còn thương chị D, anh không đồng ý ly hôn, nhưng anh T đã xác nhận từ tháng 5 năm 2023 đến nay, giữa anh đã sống ly thân chị D, giữa anh và chị không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, thời gian chị D và anh T đã không chung sống với nhau 12 tháng (1 năm), anh chị không còn quan tâm đến nhau, nhưng anh T không đưa ra một phương án hay cách thức nào để chị D về chung sống lại với anh T, hay hóa giải những mâu thuẫn đã xảy ra. Do đó, mục đích chị D và anh T xây dựng gia đình hạnh phúc đã không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc, trầm trọng, anh T, chị D không còn quan tâm đến nhau để cùng nhau xây đắp hạnh phúc. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D về việc ly hôn với anh T, chấm dứt quan hệ vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh T đều thống nhất giữa anh chị có 02 con chung, cháu Nguyễn Quốc H, sinh năm 2002 và cháu Nguyễn Quốc H1, sinh năm 2005, các cháu là người đã thành niên. Như vậy con chung của chị D và anh T đều đã trên 18 tuổi, chị D không yêu cầu Toà án giải quyết việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh T đều trình bày không có và không yêu cầu Toà án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266 Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị D về việc "*Ly hôn"*.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị D được ly hôn anh Nguyễn Quốc T, chấm dứt quan hệ hôn nhân.

1.2. Về con chung: Chị Phan Thị D và anh Nguyễn Quốc T có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc H, sinh năm 2002 và cháu Nguyễn Quốc H1, sinh năm 2005, các cháu là người đã thành niên. Hội đồng xét xử không xem xét về việc nuôi dạy cháu H, cháu H1 và cấp dưỡng nuôi hai cháu.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị D và anh Nguyễn Quốc T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Phan Thị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001587 ngày 28-02-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND TP. Quảng Ngãi
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi
- UBND xã Bình Trung, huyện Bình Sơn
- Đương sự
- Lưu Hồ sơ vụ án
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Na Na